

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THUY**

Số: /UBND-TP

V/v cung cấp tài liệu tuyên truyền trên  
hệ thống truyền thanh cấp xã  
tháng 5 năm 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lệ Thủy, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Công văn số 1129/STP-PBGDPL ngày 23/4/2025 của Sở Tư pháp về việc cung cấp tài liệu tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp xã. Để tài liệu kịp thời đến với người dân, UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở tháng 5/2025 với các nội dung sau:

**1. Tài liệu tuyên truyền:**

- Một số nội dung của Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Một số nội dung của Nghị quyết số 18-NQ/TU Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình khóa XVII, ngày 14/4/2025.

- Một số nội dung của Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

*(Có tài liệu đính kèm)*

**2. Để tài liệu phát huy tối đa hiệu quả, UBND các xã, thị trấn khai thác bản ghi âm do Sở Tư pháp cung cấp để phát trên hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở và khai thác bản giấy để tuyên truyền theo các hình thức phù hợp khác; tăng tần suất truyền thanh đối với các nội dung của tài liệu.**

Yêu cầu UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Thị Hồng Thắm**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TRÊN HỆ THỐNG  
LOA TRUYỀN THANH CƠ SỞ THÁNG 5 NĂM 2025**

**Kỳ 1**

**Một số nội dung của Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trong đó, tại Phương án sắp xếp cụ thể đối với 52 ĐVHC cấp tỉnh của Đề án đã nêu rõ: Sáp nhập tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành 1 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Trị, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình hiện nay (giảm 1 tỉnh) có diện tích tự nhiên 12.700 km<sup>2</sup> và quy mô dân số 1.584.000 người.

Đề án cũng đã nêu phương án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp như sau: Cấp tỉnh gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) cấp xã gồm xã, phường (trong đất liền) và đặc khu (ở hải đảo). Theo đó, bỏ ĐVHC cấp huyện và thị trấn.

Về tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được quy định như sau:

1. Cơ cấu tổ chức: Cơ bản giữ nguyên như mô hình tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh như hiện nay, cụ thể như sau:

- Chính quyền địa phương cấp tỉnh gồm có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND);

- HĐND tỉnh thành lập 03 Ban là Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội (đối với tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số có thể thành lập thêm Ban Dân tộc). HĐND thành phố trực thuộc trung ương thành lập 04 Ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị) theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

- Việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Nhập nguyên trạng các cơ quan thuộc HĐND, cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND ở ĐVHC cấp tỉnh mới hình thành sau sắp xếp. Đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc HĐND, UBND cấp tỉnh thì việc tổ chức các cơ quan này do chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của Chính phủ.

2. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của cấp tỉnh sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh trước sắp xếp và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản bố trí theo đúng quy định. Sau khi chính quyền địa phương cấp tỉnh sau sắp xếp đi vào hoạt động, đề nghị Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương phối

hợp với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan liên quan căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh để xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cho các địa phương.

### 3. Phương án bố trí đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh

- Đề nghị Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương tham mưu, hướng dẫn bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh (Đảng, đoàn thể, HĐND, UBND cấp tỉnh và các Ban chuyên môn của cơ quan Đảng, đoàn thể) của các địa phương sau sáp nhập, đặc biệt là nhân sự bố trí đối với cấp trưởng và định hướng giải quyết đối với số lượng cấp phó dôi dư sau sáp nhập các tỉnh, thành phố.

- Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập. Trước mắt, giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; sau khi các cơ quan này đi vào hoạt động ổn định, giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, xác định biên chế các địa phương trình cấp có thẩm quyền giao biên chế của cả hệ thống chính trị ở các địa phương.

### 4. Chế độ, chính sách

Bảo lưu chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ hiện hưởng (nếu có) của cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp trong thời gian 06 tháng. Sau thời gian này sẽ thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ phù hợp với quy định mới của pháp luật.

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TRÊN HỆ THỐNG  
LOA TRUYỀN THANH CƠ SỞ THÁNG 5 NĂM 2025**

**Kỳ 1**

**Một số nội dung của Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Đề án đã quy định về tổ chức chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, đặc khu) như sau:

*1. Cơ cấu tổ chức*

a) Chính quyền địa phương cấp xã gồm có HĐND và UBND.

b) HĐND cấp xã thành lập 02 Ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

c) Về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã: Do bỏ toàn bộ ĐVHC cấp huyện, tổ chức sắp xếp lại các ĐVHC cấp xã để hình thành các ĐVHC cấp xã có quy mô lớn hơn so với cấp xã hiện nay; đồng thời chuyển toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay về cho xã, phường, đặc khu thực hiện. Theo đó, Chính phủ dự kiến *UBND cấp xã tổ chức tối đa 04 Phòng chuyên môn và tương đương phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn, hải đảo (đặc khu).*

*- Đối với ĐVHC cấp xã giữ nguyên trạng (không sắp xếp) thì có thể không tổ chức Phòng chuyên môn. Chính phủ dự kiến bố trí tăng thêm 01 Phó Chủ tịch UBND và một số công chức cho UBND cấp xã nơi không tổ chức Phòng chuyên môn và giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn.*

*- Đối với trường hợp sắp xếp từ 02 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 ĐVHC cấp xã mới, định hướng tổ chức tối đa 04 Phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp xã. Giao UBND cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quy mô diện tích tự nhiên, dân số, đặc thù quản lý của từng ĐVHC cấp xã để quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND của từng cấp xã cho phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo hướng dẫn của Chính phủ.*

d) Định hướng tổ chức 04 Phòng và tương đương với các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

(1) Văn phòng HĐND và UBND (*tham mưu thực hiện nhiệm vụ chung của HĐND và UBND cấp xã*)

- Tham mưu, giúp HĐND, UBND cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của HĐND, Thường trực HĐND, UBND và cơ quan chuyên môn thuộc UBND; tham mưu hoạt động của Thường trực HĐND; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND; cung cấp thông tin, bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ

hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan nhà nước ở cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác; công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ, biên giới (*Đối với ĐVHC cấp xã có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển và hải đảo*).

(2) Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc)

- Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu): Tham mưu, giúp UBND thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực về: Phát triển kinh tế, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng đô thị; tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế hợp tác; công tác giảm nghèo; đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường; xây dựng, giao thông; nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn; biển và hải đảo (đối với ĐVHC cấp xã có biển, đảo); phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc): Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực về: Phát triển kinh tế, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quy hoạch, phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; công tác giảm nghèo; đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường; xây dựng, giao thông; biển và hải đảo (đối với ĐVHC cấp xã có biển, đảo); phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

(3) Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo;

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở); giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

#### (4) Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn để tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

*Lưu ý:* Đối với chính quyền địa phương đặc khu (hải đảo), chức năng, nhiệm vụ của các phòng và các dịch vụ công phục vụ người dân tại Trung tâm phục vụ hành chính công sẽ được điều chỉnh phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương đặc khu.

#### 2. Tiêu chuẩn cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã

Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV ban hành Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) bảo đảm liên thông đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã với cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Trước mắt, Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã.

#### 3. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã

Do quy mô ĐVHC cấp xã lớn hơn so với hiện nay và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã tăng lên (*thực hiện toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện và cấp xã hiện nay*). Theo đó, Chính phủ dự kiến biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã theo định hướng như sau:

(1) Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện có trước sắp xếp để bố trí cho các ĐVHC cấp xã mới (sau sắp xếp). Thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo

đúng quy định. Giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã cho các địa phương.

(2) Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; giao chính quyền địa phương xem xét, *có thể* sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố; thực hiện chính sách nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà không bố trí công tác theo quy định.

(3) Căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các ĐVHC cấp xã, Chính phủ định hướng giao tổng biên chế chính quyền địa phương cấp xã cho các địa phương (dự kiến bình quân khoảng 32 biên chế/01 cấp xã). Trên cơ sở đó, giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định số lượng biên chế đối với chính quyền địa phương từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

#### *4. Chế độ, chính sách*

Bảo lưu chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ hiện hưởng (nếu có) của cán bộ, công chức được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp trong thời gian 06 tháng. Sau thời gian này sẽ thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ phù hợp với quy định mới của pháp luật.

### Kỳ 3

## Một số nội dung của Nghị quyết số 18-NQ/TU hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình khóa XVII, ngày 14/4/2025

Tỉnh ủy vừa ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình khóa XVII, ngày 14/4/2025. Theo đó, đồng ý số lượng đơn vị hành chính cấp xã sau sáp nhập, hợp nhất là 41 xã, phường (36 xã, 5 phường) trực thuộc tỉnh theo Tờ trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đề án của Đảng ủy UBND tỉnh. Cụ thể như sau:

### I. Đơn vị hành chính cấp xã không thực hiện sáp nhập (1 đơn vị)

**Xã Tân Thành**, thuộc huyện Minh Hóa.

### II. Các đơn vị hành chính cấp xã mới sau sáp nhập, hợp nhất (40 đơn vị)

1. **Thành lập phường Đồng Hới** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bảo Ninh, xã Đức Ninh, phường Nam Lý, phường Đồng Hải, phường Đồng Phú, phường Đức Ninh Đông, phường Phú Hải và phường Hải Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc: Phường Đức Ninh Đông hiện nay.

2. **Thành lập phường Đồng Thuận** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc Ninh, xã Quang Phú, phường Bắc Lý. Nơi đặt trụ sở làm việc: Phường Bắc Lý hiện nay.

3. **Thành lập phường Đồng Sơn** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nghĩa Ninh, xã Thuận Đức, phường Bắc Nghĩa và phường Đồng Sơn.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Phường Đồng Sơn hiện nay.

4. **Thành lập phường Ba Đồn** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Hải, phường Quảng Phong, phường Quảng Long và phường Ba Đồn.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Phường Ba Đồn hiện nay.

5. **Thành lập phường Bắc Gianh** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Quảng Phúc, phường Quảng Thọ và phường Quảng Thuận.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Phường Quảng Thọ hiện nay.

6. **Thành lập xã Nam Gianh** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Hòa, xã Quảng Lộc, xã Quảng Văn và xã Quảng Minh. Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Quảng Lộc hiện nay.

7. **Thành lập xã Tây Gianh** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Tân, xã Quảng Trung, xã Quảng Tiên, xã Quảng Sơn và xã Quảng Thủy. Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Quảng Trung hiện nay.

8. **Thành lập xã Dân Hóa** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Dân Hóa và xã Trọng Hóa. Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Dân Hóa hiện nay.

9. **Thành lập xã Kim Điền** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hóa Sơn và xã Hóa Hợp.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Hóa Hợp hiện nay.

10. **Thành lập xã Kim Phú** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Hóa, xã Trung Hóa, xã Minh Hóa và xã Tân Hóa.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Trung Hóa hiện nay.

11. **Thành lập xã Minh Hóa** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân Hóa, xã Yên Hóa, xã Hồng Hóa và thị trấn Quy Đạt.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Quy Đạt hiện nay.

12. **Thành lập xã Tuyên Lâm** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lâm Hóa và xã Thanh Hóa.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Thanh Hóa hiện nay.

13. **Thành lập xã Tuyên Sơn** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Thạch và xã Hương Hóa.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Hương Hóa hiện nay.

14. **Thành lập xã Đông Lê** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Hóa, xã Lê Hóa, xã Thuận Hóa, xã Sơn Hóa và thị trấn Đông Lê.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Đông Lê hiện nay.

15. **Thành lập xã Tuyên Phú** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Hóa, xã Thạch Hóa và xã Đức Hóa.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Thạch Hóa hiện nay.

16. **Thành lập xã Tuyên Bình** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phong Hóa, xã Ngư Hóa và xã Mai Hóa.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Phong Hóa hiện nay.

17. **Thành lập xã Tuyên Hóa** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tiến Hóa, xã Châu Hóa, xã Cao Quảng và xã Văn Hóa.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Tiến Hóa hiện nay.

18. **Thành lập xã Tân Gianh** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phù Cảnh, xã Liên Trường và xã Quảng Thanh.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Liên Trường hiện nay.

19. **Thành lập xã Trung Thuận** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Lưu, xã Quảng Thạch và xã Quảng Tiến.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Quảng Lưu hiện nay.

20. **Thành lập xã Quảng Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Phương, xã Quảng Xuân và xã Quảng Hưng.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Quảng Phương hiện nay.

21. **Thành lập xã Hòa Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Châu, xã Quảng Tùng và xã Cảnh Dương.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Quảng Tùng hiện nay.

22. **Thành lập xã Phú Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Đông, xã Quảng Phú, xã Quảng Kim và xã Quảng Hợp.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Quảng Phú hiện nay.

23. **Thành lập xã Thượng Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Trạch và xã Thượng Trạch.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Thượng Trạch hiện nay.

24. **Thành lập xã Phong Nha** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lâm Trạch, xã Xuân Trạch, xã Phúc Trạch và thị trấn Phong Nha.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Phong Nha hiện nay.

25. **Thành lập xã Bắc Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bắc Trạch, xã Thanh Trạch, xã Hạ Mỹ và xã Liên Trạch.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Bắc Trạch hiện nay.

26. **Thành lập xã Đông Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hải Phú, xã Sơn Lộc, xã Đức Trạch và xã Đồng Trạch

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Đồng Trạch hiện nay.

27. **Thành lập xã Hoàn Lão** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trung Trạch, xã Đại Trạch, xã Tây Trạch, xã Hòa Trạch và thị trấn Hoàn Lão.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Hoàn Lão hiện nay.

28. **Thành lập xã Bố Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hưng Trạch, xã Cự Năm, xã Vạn Trạch và xã Phú Định.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Cự Năm hiện nay.

29. **Thành lập xã Nam Trạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nhân Trạch, xã Lý Nam và thị trấn Nông trường Việt Trung.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Lý Nam hiện nay.

30. **Thành lập xã Quảng Ninh** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Ninh, xã Võ Ninh, xã Hàm Ninh và thị trấn Quán Hàu.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Quán Hàu hiện nay.

31. **Thành lập xã Ninh Châu** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Ninh, xã Gia Ninh, xã Duy Ninh và xã Hải Ninh.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Gia Ninh hiện nay.

32. **Thành lập xã Trường Ninh** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vạn Ninh, xã An Ninh, xã Xuân Ninh và xã Hiền Ninh.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Xuân Ninh hiện nay.

33. **Thành lập xã Trường Sơn** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Xuân và xã Trường Sơn.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Trường Sơn hiện nay.

34. **Thành lập xã Lệ Thủy** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Liên Thủy, xã Xuân Thủy, xã An Thủy, xã Phong Thủy, xã Lộc Thủy và thị trấn Kiến Giang.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Kiến Giang hiện nay.

35. **Thành lập xã Cam Hồng** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cam Thủy, xã Thanh Thủy, xã Hồng Thủy và xã Ngự Thủy Bắc.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Ngự Thủy Bắc hiện nay.

36. **Thành lập xã Sen Ngự** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hưng Thủy, xã Sen Thủy và xã Ngự Thủy.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Hưng Thủy hiện nay.

37. **Thành lập xã Tân Mỹ** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Thủy, xã Dương Thủy, xã Mỹ Thủy và xã Thái Thủy.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Dương Thủy hiện nay.

38. **Thành lập xã Trường Phú** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Thủy, xã Mai Thủy và xã Phú Thủy.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Mai Thủy hiện nay.

39. **Thành lập xã Lệ Ninh** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Thủy, xã Hoa Thủy và thị trấn Nông trường Lệ Ninh.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Nông trường Lệ Ninh hiện nay.

40. **Thành lập xã Kim Ngân** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Thủy, xã Ngân Thủy và xã Lâm Thủy.

Nơi đặt trụ sở làm việc: Xã Kim Thủy hiện nay.

## Kỳ 4

### Một số nội dung của Luật An toàn thực phẩm năm 2010

#### Điều 5. Những hành vi bị cấm

1. Sử dụng nguyên liệu không thuộc loại dùng cho thực phẩm để chế biến thực phẩm.
2. Sử dụng nguyên liệu thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc không bảo đảm an toàn để sản xuất, chế biến thực phẩm.
3. Sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá giới hạn cho phép; sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
4. Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc chết không rõ nguyên nhân, bị tiêu hủy để sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
5. Sản xuất, kinh doanh:
  - a) Thực phẩm vi phạm quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;
  - b) Thực phẩm không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;
  - c) Thực phẩm bị biến chất;
  - d) Thực phẩm có chứa chất độc hại hoặc nhiễm chất độc, tác nhân gây ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép;
  - đ) Thực phẩm có bao gói, đồ chứa đựng không bảo đảm an toàn hoặc bị vỡ, rách, biến dạng trong quá trình vận chuyển gây ô nhiễm thực phẩm;
  - e) Thịt hoặc sản phẩm được chế biến từ thịt chưa qua kiểm tra thú y hoặc đã qua kiểm tra nhưng không đạt yêu cầu;
  - g) Thực phẩm không được phép sản xuất, kinh doanh để phòng, chống dịch bệnh;
  - h) Thực phẩm chưa được đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp thực phẩm đó thuộc diện phải được đăng ký bản công bố hợp quy;
  - i) Thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc quá thời hạn sử dụng.
6. Sử dụng phương tiện gây ô nhiễm thực phẩm, phương tiện đã vận chuyển chất độc hại chưa được tẩy rửa sạch để vận chuyển nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm.
7. Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả kiểm nghiệm thực phẩm.
8. Che dấu, làm sai lệch, xóa bỏ hiện trường, bằng chứng về sự cố an toàn thực phẩm hoặc các hành vi cố ý khác cản trở việc phát hiện, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.
9. Người mắc bệnh truyền nhiễm tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
10. Sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại cơ sở không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.
11. Quảng cáo thực phẩm sai sự thật, gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.
12. Đăng tải, công bố thông tin sai lệch về an toàn thực phẩm gây bức xúc cho xã hội hoặc thiệt hại cho sản xuất, kinh doanh.
13. Sử dụng trái phép lòng đường, vỉa hè, hành lang, sân chung, lối đi chung, diện tích phụ chung để chế biến, sản xuất, kinh doanh thức ăn đường phố.

## **Điều 6. Xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Luật này hoặc các quy định khác của pháp luật về an toàn thực phẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trường hợp áp dụng mức phạt cao nhất theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà vẫn còn thấp hơn 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm thì mức phạt được áp dụng không quá 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm; tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định cụ thể về hành vi, hình thức và mức xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Điều này.